

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 23/2021/HS-ST

Ngày: 07-6-2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trung Lan; Phó Hiệu trưởng trường Dân tộc nội trú phía Nam huyện Đ.

2. Ông Vũ Thanh Hương; Cán bộ hưu trí – Nguyên giám đốc Trung tâm y tế huyện Đ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuý Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2021/TLST-HS, ngày 12 tháng 5 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 đối với:

**\* Bị cáo: Dương Nguyễn Thành L, sinh ngày: 29/11/2004. Nơi sinh: Lâm Đồng.** Nơi cư trú: Thôn U, xã F, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Dương Hữu H, sinh năm 1942, con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955.

Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 13/01/2021 có hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 24/03/2021 bị Công an huyện Đ xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng (bị cáo đã chấp hành). Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02/4/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo L:** Ông Lương Minh A – thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

**\* Người bị hại:**

1. Ông Dương Hữu H, sinh năm: 1942.

Địa chỉ: Thôn X, xã F, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Thôn U, xã F, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Vũ Văn T, sinh ngày: 24/4/2004.

Địa chỉ: Tổ dân phố O, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

Người đại diện hợp pháp của anh T: Bà Nhữ Thị S, sinh năm: 1960. (là mẹ của T). “Có mặt”.

Địa chỉ: Tổ dân phố O, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

2. Bà Nhữ Thị S, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Tổ dân phố O, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

3. Anh Bùi Văn C, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

**\* Người làm chứng:**

1. Anh Vũ Văn Q, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố O, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

2. Ông Đặng V, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn X, xã F, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

3. Anh Hà Lê P, sinh ngày: 05/8/2006.

Địa chỉ: Tổ dân phố O1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của anh P: Bà Lê Thị K, sinh năm: 1984. (là mẹ của P). “Có mặt”.

Địa chỉ: Tổ dân phố O1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”.

4. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố O1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt không có lý do”.

5. Anh Nguyễn Quang N, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Tổ dân phố O2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt không có lý do”.

6. Ông Trần Quốc M, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Tổ dân phố O3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt không có lý do”.

**NHẬN THẤY:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Dương Nguyễn Thành L là con nuôi của vợ chồng ông Dương Hữu H và bà Dương Thị N, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân L đã nhiều lần trộm cắp tài sản của gia đình bố mẹ nuôi của mình. Nội dung cụ thể các vụ việc như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 01/02/2021, L đang ngồi ở quán cà phê L1 thuộc TDP Đ, TT Đ thì thấy Vũ Văn T, sinh năm 2004, trú tại TDP Q, TT. Đ nhắn tin qua ứng dụng Messenger hỏi “Mày mua xe à” (*trước đó L đăng thông tin lên mạng xã hội Facebook: cần mua xe máy Sirius*), L trả lời: “Đúng rồi nhưng phải đợi bán bò thì mới có tiền” thấy vậy T nhắn: “Mày bán cho tao hoặc giao lưu xe máy với tao”

thì L đồng ý rồi hẹn T đến quán L1 để dẫn đi xem bò. Đến khoảng 10 giờ, lợi dụng lúc ông Dương Hữu H và bà Dương Thị N (bố mẹ nuôi của L) không có ở nhà, L đã dẫn T cùng với Hà Lê P, sinh năm 2006, trú tại TDP Q1, TT Đ (bạn của T) đi về nhà ông H tại thôn X, xã F để xem 01 (một) con bò cái màu vàng đang cộc ở bên phải ngôi nhà. Sau khi xem xong, T, L thống nhất đổi con bò của L lấy 01 (một) chiếc xe mô tô Sirius biển số 60B3-009.75 của T trị giá 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*) và T bù thêm số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) cho L, tổng số tiền bán bò là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*). T, P đã gọi điện thoại và thuê anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1985, trú tại TDP Q1, TT, Đ điều khiển xe ô tô tải, biển số 49C-189.44 đến nhà L để chở bò về nhà cho T ở TDP Q, TT. Đ. Sau đó T, L và P quay lại quán cà phê L1 để giao tiền, giao xe. Khi đó, Bùi Văn C (tên thường gọi là C Bé) là bạn của L cũng đang ngồi ở quán Linh Vũ nghe T và L nói chuyện thì đề nghị về nhà T để xem lại con bò và yêu cầu T tăng thêm tiền cho L và T đã đồng ý tăng thêm 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Sau đó, L đã viết giấy mua bán bò cho T, còn T giao xe máy Sirius biển số 60B3-009.75 và số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) cho L rồi L cho C số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) công xem bò. Sau khi nhận tiền, L ra cửa hàng điện thoại di động Sỹ Liên ở TDP B1, TT Đ chuộc một chiếc điện thoại OPPO A5S với số tiền 1.520.000đ (*Một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*), mua 01 (một) chiếc điện thoại Vivo Y30 cũ với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và cầm cố 01 chiếc điện thoại Vsmats được 840.000đồng. Khi L đang trên đường mang xe máy đi sửa thì bị lực lượng Công an huyện Đ triệu tập về làm việc, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Người bị hại: ông Dương Hữu H, sinh năm 1942, trú tại thôn X, xã F, huyện Đ tỉnh lâm Đồng bị chiếm đoạt 01 (một) con bò cái, lông vàng, hơn một tuổi, trọng lượng 280kg. Ngày 02/02/2021, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định con bò trên trị giá 22.400.000đ (*Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 16 giờ ngày 01/04/2021, bà Nguyễn Thị N (mẹ nuôi của L) treo chiếc ba lô bằng vải màu đen, bên trong túi vải có số tiền 23.800.000 (*Hai mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng*) được bỏ vào 03 túi nilon và 03 chỉ vàng treo ở trên tường phía trước nhà tắm rồi đi vào phòng để tắm thì Dương Nguyễn Thành L đi từ trên phòng khách xuống nhìn thấy, mở ba lô ra phát hiện bên trong có một chiếc túi nhỏ bằng vải màu tím, L tiếp tục mở chiếc túi bằng vải ra thì thấy bên trong có mấy tờ tiền mệnh giá 10.000đ, 20.000đ để một bên, còn một bên thì thấy có 02 túi nilon được gói cuộn lại, L tiếp tục mở 01 (một) túi nilon ra thì thấy bên trong có 01 (một) xấp tờ tiền mệnh giá 200.000đ. Sau đó, L lại mở túi nilon thứ 02 (hai) thì thấy bên trong có 01 (một) xấp tiền mệnh giá 500.000đ thì nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên để tiêu xài. L gom tiền từ 02 túi nilon vào thành 01 túi nilon rồi mang số tiền vừa trộm cắp được giấu vào khe hở của viên gạch lát nền xếp ở trong góc nhà Tắm phía sau phòng khách. Sau khi tắm xong, bà N phát hiện bị

mất tiền nên đã trình báo vụ việc lên Công an xã F, huyện Đ. Sau khi tiếp nhận tin trình báo, Công an xã F đã triệu tập Dương Nguyễn Thành L đến làm việc và thừa nhận hành vi trộm cắp số tiền trên.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSĐT ngày 10 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Dương Nguyễn Thành L, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Thành L 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự:* Bà N, ông H đã nhận lại tài sản của mình, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Đề nghị áp dụng Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường cho Vũ Văn T số tiền 5.500.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 930.000 đồng.

*Về vật chứng vụ án:* Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bà Nguyễn Thị N:

- 01 (một) chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Vivo Y30 màu xanh, số imei 864588046271697, máy đã qua sử dụng là tài sản Dương Nguyễn Thành L đã sử dụng tiền trộm cắp được để mua với giá 3.000.000đ tại cửa hàng điện thoại S1 thuộc TDP B1, TT Đ.

- 01 (một) chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu OPPO A5S màu đỏ, số imei 865222047909654, máy đã qua sử dụng là tài sản Dương Nguyễn Thành L đã sử dụng tiền trộm cắp được để chuộc lại với giá 1.520.000đ tại cửa hàng điện thoại S1 thuộc TDP B1, TT Đ.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo L có bài Luận cứ bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố để đưa ra xét xử Dương Nguyễn Thành L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên vì bị cáo là vị thành niên nhất thời phạm tội, trình độ văn hóa thấp. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và nhân thân của bị cáo cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Quá trình điều tra bị hại trong vụ án thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo Dương Nguyễn Thành L nói lời sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi bị cáo thực hiện là sai trái.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Các bị cáo không có ý kiến gì thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có trong hồ sơ và được chứng minh bằng: Để có tiền tiêu xài cá nhân, vào ngày 01/02/2021, Dương Nguyễn Thành L lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản đã chiếm đoạt 01 (một) con bò cái của ông Dương Hữu H (là bố nuôi của L) ở Thôn X, xã F, huyện Đ trị giá 22.400.000 đồng để đổi cho Vũ Văn T lấy 01 chiếc xe máy Yamaha hiệu Sirius với giá 11.500.000 đồng và tiền mặt 5.500.000 đồng, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ khởi tố về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 01/04/2021, L tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 23.660.000 đồng của bà N (mẹ nuôi của L) để trong balo trước cửa phòng tắm mang ra đóng gạch cất dấu thì bị phát hiện. Tổng giá trị tài sản L lén lút chiếm đoạt là: 46.060.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Đối chiếu các chứng cứ, tài liệu đã thu thập phản ánh trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa và các quy định của pháp luật đã có đủ cơ sở kết luận. Bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Đây là vụ án trộm cắp tài sản bị cáo trực tiếp thực hiện với số tài sản có giá trị trên 46.060.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an N trật tự tại địa phương, gây lo lắng và bất bình trong đời sống cộng đồng.

[4] Về nhân thân: Ngày 13/01/2021 có hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 24/03/2021 bị Công an huyện Đ xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng (bị cáo đã chấp hành).

[5] Về hình phạt: Bản thân bị cáo thừa biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật sẽ bị trừng trị theo pháp luật, nhưng vẫn làm cho thấy bị cáo là người rất coi thường Pháp luật. Cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là *phạm tội nhiều lần*. Do vậy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, khi xem xét lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự, vì trong

quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã tác động gia đình bồi thường và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

Trong vụ án này còn có: Vũ Văn T là người mua bò, Hà Lê P, Nguyễn Văn G, Vũ Văn Q, Bùi Văn C giúp T, L mua bán bò, vận chuyển bò về nhà, tuy nhiên T, P, G, Q và C không biết bò do L trộm cắp của ông H. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm của T, P, G, Q và C. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp nên không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà N, ông H đã nhận lại tài sản của mình, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Anh Vũ Văn T yêu cầu bị cáo L phải trả lại số tiền 5.500.000 đồng. Áp dụng các Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 5.500.000 đồng cho anh Vũ Văn T nhưng được vào số tiền 930.000đ (Chín trăm ba mươi nghìn đồng) đang tạm giữ tại Thị hành án nhưng cần giao cho bà Nhữ Thị S số tiền 930.000đ (Chín trăm ba mươi nghìn đồng). Như vậy bị cáo còn phải phải bồi thường tiếp số tiền 4.570.000 đồng. Nhưng bà Nguyễn Thị N là mẹ bị cáo nhận bồi thường thay cho bị cáo để giao cho bà Nhữ Thị S.

[7] Về vật chứng của vụ án: Bà Nguyễn Thị N là người bị hại và là người giám hộ cho bị cáo, bà N đã nhận trả số tiền mà bị cáo bán bò cho anh Vũ Văn T để mua điện thoại. Do đó cần trả lại cho bà N 02 chiếc điện thoại sau:

- 01 (một) chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Vivo Y30 màu xanh, số imei 864588046271697, máy đã qua sử dụng là tài sản Dương Nguyễn Thành L đã sử dụng tiền trộm cắp được để mua với giá 3.000.000đ tại cửa hàng điện thoại S1 thuộc TDP B1, TT Đ.

- 01 (một) chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu OPPO A5S màu đỏ, số imei 865222047909654, máy đã qua sử dụng là tài sản Dương Nguyễn Thành L đã sử dụng tiền trộm cắp được để chuộc lại với giá 1.520.000đ tại cửa hàng điện thoại S1 thuộc TDP B1, TT Đ.

Là phù hợp điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- 01 (một) chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 60B3-009.75, số máy 5C64435257, số khung R16S5C640BY435249 là tài sản của Vũ Văn T dùng để trao đổi bò với Dương Nguyễn Thành L. Tuy nhiên, T không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ tiếp tục tạm giữ để xử lý. Hội đồng xét xử thấy vậy là phù hợp không xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của BLTTHS năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải nộp 200.0000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bị cáo L dưới 18 tuổi, chưa có tài sản riêng buộc bà Nguyễn Thị N (là mẹ) có trách nhiệm bồi thường thay.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Tuyên bố bị cáo Dương Nguyễn Thanh L phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 91 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Thanh L 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2021 (ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam).

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải bồi thường tiếp số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) cho anh Vũ Văn T, nhưng được trừ vào số tiền 930.000đ (Chín trăm ba mươi nghìn đồng) trên hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 17/5/2021. Như vậy bà N còn phải bồi thường tiếp số tiền 4.570.000 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng) nhưng giao cho bà Nhữ Thị S là mẹ của anh Vũ Văn T nhận.

*“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.*

[3] Về vật chứng : Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bà Nguyễn Thị N:

- 01 (một) chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Vivo Y30 màu xanh, số imei 864588046271697, máy đã qua sử dụng là tài sản Dương Nguyễn Thành L đã sử dụng tiền trộm cắp được để mua với giá 3.000.000đ tại cửa hàng điện thoại S1 thuộc TDP B1, TT Đ.

- 01 (một) chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu OPPO A5S màu đỏ, số imei 865222047909654, máy đã qua sử dụng là tài sản Dương Nguyễn Thành L đã sử dụng tiền trộm cắp được để chuộc lại với giá 1.520.000đ tại cửa hàng điện thoại S1 thuộc TDP B1, TT Đ.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án huyện Đa Tẻ đang tạm giữ theo biên bản bàn giao ngày 12/5/2021 giữa Cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

[4] Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo bị cáo Dương Nguyễn Thành L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bị cáo L dưới 18 tuổi, chưa có tài sản riêng buộc bà Nguyễn Thị N là mẹ của bị cáo có trách nhiệm nộp thay.

[5] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của BLTTHS. Bị cáo, người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Lê Tiến Dũng**